TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/DS-ST.
Ngày: 11 – 7 – 2017.
V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Minh Tân**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hoàng Tiến**.
2. Ông **Nguyễn Văn Mua**.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Lan** – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị P** trú tại ấp I, xã K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).
2. Bị đơn:
2.1. Ông **Nguyễn Hoàng Đ** (*vắng mặt*).
2.2. Bà **Bùi Thị Lệ H** (*vắng mặt*).
Cùng trú tại: Khóm M, thị trấn N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Bùi Văn T** (*vắng mặt*).
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T: Bà **Võ Thị P** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2017 – *có mặt*).
Cùng trú tại: Ấp I, xã K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

- Vào ngày 06 tháng 4 năm 2012 âm lịch bà Võ Thị P làm đầu thảo tổ chức mở hụi, loại hụi tháng, có lãi và huê hồng, gồm 24 phần, số tiền góp 1.000.000 đồng/phần/tháng. Dây hụi mãn vào ngày 06 tháng 3 năm 2014 âm lịch tức ngày 05 tháng 4 năm 2014 dương lịch. Ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Lệ H tham gia 01 phần.

- Đến kỳ khui hụi lần thứ hai vào ngày 06 tháng 5 năm 2012 âm lịch, ông Đ và bà H kêu hụi số tiền 320.000 đồng, trừ 500.000 đồng tiền huê hồng, thực nhận số tiền 14.460.000 đồng. Bà P đã giao đủ tiền hụi cho ông Đ và bà H nhận ký tên vào giấy biên nhận viết tay.

- Từ ngày 06 tháng 6 năm 2012 âm lịch đến hụi mãn ngày 06 tháng 3 năm 2014 âm lịch, ông Đ và bà H phải thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết 22 kỳ tương đương số tiền 22.000.000 đồng. Thực hiện nghĩa vụ, ông Đ và bà H góp được số tiền 8.045.000 đồng, nợ lại số tiền 13.955.000 đồng. Do đó, bà P và chồng là ông Bùi Văn T phải xuất ra số tiền 13.955.000 đồng để thanh toán trước cho các hụi viên khác.

- Sau khi mãn hụi, bà P đã nhiều lần đến nhà tìm gặp ông Đ và bà H yêu cầu trả lại số tiền 13.955.000 đồng nhưng ông Đ và bà H khất hẹn không trả.

Nay, bà P khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà và ông T số tiền 13.955.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02 tháng 6 năm 2017, bị đơn bà Bùi Thị Lệ H trình bày:

- Bà H thống nhất với lời trình bày của bà P và vợ chồng bà nợ vợ chồng bà P số tiền 13.955.000 đồng hụi chết đã trả thay.

- Theo yêu cầu khởi kiện, bà H và ông Đ đồng ý trả lại bà P và ông T số tiền 13.955.000 đồng. Vì hiện nay vợ chồng bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên yêu cầu được trả dần hàng tháng số tiền 200.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

- Ông Đ đều vắng mặt và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

- Ông T có bà P đại diện thống nhất yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Bà P trình bày: Vì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi đã hết cho nên bà khởi kiện đòi ông Đ và bà H trả lại tài sản là số tiền 13.955.000 đồng mà không yêu cầu ông Đ và bà H phải trả lãi đối với số tiền hụi chậm trả. Ngoài ra, bà P và ông T không có yêu cầu gì khác.

- Ông Đ và bà H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào lời trình bày của bà Võ Thị P về việc khởi kiện đòi ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Lệ H lại số tiền 13.955.000 đồng nợ góp hụi đã trả thay được bà H thừa nhận nợ. Bà P không yêu cầu ông Đ và bà H trả lãi đối với số tiền hụi chậm trả. Đã đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản, thuộc loại vụ việc tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa sơ thẩm ông T vắng mặt có bà P đại diện tham gia phiên tòa; ông Đ và bà H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà P và lời đề nghị của ông T có bà P đại diện đòi ông Đ và bà H trả lại số tiền 13.955.000 đồng góp hụi đã trả thay được bà H thừa nhận. Bà H đồng ý cùng ông Đ trả dần hàng tháng là 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không được bà P đồng ý.

[5]. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và lời đề nghị của ông T, cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án chưa có cơ sở xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trong vụ kiện.

[6]. Xét hợp đồng góp hụi chấm dứt vào ngày 05 tháng 4 năm 2014. Ông Đ và bà H vi phạm nghĩa vụ góp hụi chết và đã được đầu thảo bà P thực hiện thay nghĩa vụ thanh toán cho các hụi viên khác. Đến ngày 17 tháng 4 năm 2017 bà P kiện đòi lại tài sản. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015: "*Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*".

[7]. Do đó, căn cứ vào Điều 256, Điều 290 và Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về quyền đòi lại tài sản, thực hiện nghĩa vụ trả tiền và thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P

và lời đề nghị của ông T có bà P làm đại diện đòi ông Đ và bà H liên đới trả lại số tiền 13.955.000 đồng.

[8]. Kể từ ngày người được thi hành án bà P và ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 13.955.000 đồng thì người phải thi hành án ông Đ và bà H còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[9]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

[10]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận toàn bộ. Nên ông Đ và bà H phải chịu án phí loại có giá ngạch trên số tiền 13.955.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Toà án.

[11]. Bà P không phải chịu án phí nên hoàn trả lại bà P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256, Điều 290 và Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P:

1.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Lệ H có trách nhiệm liên đới trả lại bà Võ Thị P và ông Bùi Văn T số tiền 13.955.000 (Mười ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án bà Võ Thị P và ông Bùi Văn T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 13.955.000 (Mười ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng thì người phải thi hành án ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Lệ H còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Lệ H nộp án phí số tiền 697.750 (Sáu trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

2.2. Hoàn trả bà Võ Thị P nhận lại số tiền 349.000 (Ba trăm bốn mươi chín nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0007881 ngày 18 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn bà Võ Thị P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T. Vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Bùi Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T. Báo cho bà P có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông Đ, bà H và ông T vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ + ĐDNLQ: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

CAO MINH TÂN